

# CÂU XÁ LUẬN TỤNG SỐ BỐN

## QUYỂN 20

### 1. Nói về chiêu cảm năng trói buộc của hoặc:

Từ thứ sáu này, nói về sự chiêu cảm năng trói buộc của hoặc trong đó chia làm hai:

1) Y theo thế gian mà nói năng trói buộc.

2) Y theo dứt mà nói năng trói buộc. Y theo thế gian nói khả năng trói buộc chia làm hai:

- Y theo thế gian nói trói buộc.

- Nói về ba đời có hay không.

- Y theo thế gian nói về trói buộc: Luận chép: Nghĩa là các hữu tình đối với việc này, sự cảnh sở hệ tùy miên tùy tăng nên nói các tùy miên nào của quá khứ, hiện tại, vị lai có khả năng trói buộc việc gì

Tụng chép:

*Nếu đối với việc này*

*Chưa dứt tham, sân mạn*

*Quá hiện nếu đã khởi*

*Ý vị lai biến hành*

*Năm sinh ra tự thế*

*Bất sinh cũng biến hành*

*Quá vị đều biến hành*

*Hiện chính duyên năng buộc.*

Giải thích: câu thứ nhất nói về việc bị trói buộc, bảy câu sau nói về hoặc năng trói buộc. Chữ “chưa dứt” trong câu thứ hai, chữ năng hệ trong câu thứ tám chung cho cả câu giữa. Muốn hiểu bài tụng này trước phải biết tùy miên có hai: 1. Tự tướng: đó là tham, sân, mạn duyên với pháp khác mà khởi, gọi là tự tướng; 2. Cộng tướng: đó là kiến, nghi, si duyên với nhiều pháp mà khởi, gọi là cộng tướng duyên với cộng cảnh của cộng tướng. Nếu đối với việc này là sự trói buộc. Chưa dứt tham, sân mạn là hoặc năng hệ. Quá khứ hiện tại nếu đã khởi: Tham, sân, mạn này đối với việc trói buộc, quá khứ đã sinh, chưa dứt hiện tại đã

sinh có thể trói buộc việc này.

Vì tham sân mạn là hoặc của tự tướng các hữu tình chẳng thể xác định khắp các việc của ba đời mà khởi nên không gọi là biến hành. Hiện tại đã sinh, không nêu chưa dứt, thể hiện ra, tất nhiên chưa dứt, nghĩa chắc chắn có, cho nên không nêu. Nên biết biến hành phải có hai nghĩa: 1. Thế gian trói buộc khắp ba đời; 2. Sự có thể trói buộc khắp tất cả tự sở duyên. Tham, sân, mạn của ý thức quá khứ, hiện tại, tuy đối với thế biến thiếu về sự biến, nghĩa là có duyên với cảnh này, không duyên với cảnh khác. Ý vị lai biến hành. Nghĩa là ý thức của vị lai, ba thứ tham, sân, mạn có ở khắp ba đời, cho đến chưa dứt, đều có công năng ràng buộc, dùng ý thức vị lai ràng buộc cảnh ba đời và tất cả việc, năng ràng buộc khắp gọi là biến hành, nghĩa là ý thức vị lai cảnh trôi khắp ba đời gọi là Thế biến. Lại ý thức này chủng loại rất nhiều, đối với việc được duyên, chắc chắn có công năng trói buộc cùng khắp, cũng gọi là sự biến. Năm khả sinh tự thế: Năm thức ở vị lai tương ứng với tham sân. Nếu chưa dứt thì có thể sinh, chỉ trói buộc tư thế, ở đời vị lai chỉ trói buộc vị lai, nếu trôi lăn đến hiện tại chỉ trói buộc hiện tại, nếu rơi vào quá khứ chỉ ở quá khứ. Nghĩa là các cảnh đều đi chung. Bất sinh cũng biến hành: Năm thức ở vị lai tương ứng với tham sân nếu chưa dứt không sinh, cũng trói buộc khắp ba đời và tất cả việc tự sở duyên. Nghĩa là cảnh sở duyên hoặc ở vị lai hoặc trôi đến hiện tại, hoặc rơi vào quá khứ, thức tuy ở vị lai duyên thiếu không sinh nhưng do chưa dứt nên tánh có thể trói buộc cảnh ba đời. Kia hoặc có đồng thời ba đời khác nhau. Như có nhãn thức chắc chắn khởi lên khi duyên với ba cảnh màu xanh, vàng, đỏ, nếu thiếu bất cứ một cảnh nào thì thức không sinh ra. Cảnh bị thiếu đó hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại hoặc ở quá khứ nên nói năm thức trói buộc khắp ba đời. Nói về sự biến: nghĩa là không sinh năm thức, chủng loại rất nhiều, đối với tự sở duyên chắc chắn có thể trói buộc cùng khắp. Dư quá khứ vị lai biến hành: dư là kiến, nghi, vô minh, ngoài tham v.v... gọi là dư. Kiến, nghi, vô minh nếu ở quá khứ hoặc ở vị lai thì chưa dứt được, đều có thể trói buộc tất cả cảnh của ba đời, vì cùng mê hoặc nhau, chắc chắn khởi lên cùng khắp. Hiện chánh duyên năng buộc: kiến, nghi, vô minh ở đời hiện tại, lúc đang duyên với cảnh tùy theo cảnh gì có thể trói buộc việc đó. Hoặc ở hiện tại này tuy có đủ hai biến vì không chắc chắn. Nên không nói biến hành, chữ năng hệ này chung với các câu trên, suy nghĩ sẽ hiểu.

## **2. Nói về ba đời có hay không?**

Từ phần thứ hai này, nói về ba đời, có hay không trong đó chia

làm hai: 1. Nói về tông; 2. Bác bỏ, trong phần nói về tông chia làm hai: Giáo lý chứng và nêu thuyết để xác định tông. Giáo lý chứng: Tông Tát bà đa nói có ba đời, Kinh bộ không chấp nhận, muốn bác bỏ điều đó, nay lại nêu tông. Luận chép: nên lược nêu tông để nói lên lý thú.

Tụng chép:

*Do nói có ba đời  
Vì hai hữu cảnh quả  
Nói ba đời là có  
Chấp nhận tất cả hữu.*

Giải thích: Hai câu trên chứng minh, hai câu dưới kết tông. Do nói có ba đời: Ba đời thật có là do kinh nói. Kinh nói: Bí sô (Tỳ-kheo) nên biết, nếu sắc quá khứ không có thì lẽ ra không cần các Thánh đệ tử học rộng siêng tu nhằm chán xả bỏ. Vì sắc quá khứ là có nên các Thánh đệ tử học rộng siêng tu nhằm chán xả bỏ. Nếu sắc vị lai không có, các Thánh đệ tử học rộng cần phải siêng năng dứt bỏ ham muốn. Vì sắc vị lai là có nên các đệ tử học rộng cần phải siêng năng dứt bỏ ham muốn. Vì hai có hai quả cảnh: Hai nghĩa là kế kinh nói, thức do hai duyên sinh như nói nhãn thức do mắt và sắc sinh ra. Đó là hai duyên cho đến ý thức do ý căn và pháp, là hai duyên, ý căn quá khứ, pháp thông suốt ba đời. Quá khứ, vị lai nếu là không thì duyên với ý thức, nên thiếu hai duyên. Vì quá khứ là không liền thiếu ý căn, vì quá khứ, vị lai không thiếu cảnh pháp, đã chứng minh bằng giáo lý trên. Hữu cảnh: dưới đây có hai lý chứng. Đây là lý thứ nhất, vì lúc thức khởi chắc chắn có cảnh, có cảnh thức sinh, không có cảnh thì không có thức sinh. Lý này xác định quá khứ, vị lai là không. Vì sở duyên là không, lẽ ra thức cũng là không. Hữu quả là lý thứ hai, lại nghiệp quá khứ sẽ có quả, nếu quá khứ là không thì nghiệp quá khứ, thể lẽ ra không có, do nghiệp không nên quả phải không, vì nghiệp sẽ có quả báo nên biết lý của quá khứ, vị lai chắc chắn thật có. Hai câu sau: Là kết luận tông nói ba đời thật có, chấp nhận là tông Nhất thiết hữu .

### **3. Xác định tông:**

Từ phần thứ hai này, là xác định tông. Luận chép: Nay trong bộ này, có mấy pháp khác nhau? Là hỏi số, ai đã lập ra ở đời chỗ y theo tốt nhất? (là hỏi về tông khác nhau).

Tụng chép:

*Trong đây có bốn thứ  
Loại, tướng, vị, đãi, khác  
Thứ ba theo tác dụng*

*Lập thế gian tốt nhất.*

Giải thích: hai câu trên trả lời câu hỏi thứ nhất, hai câu dưới trả lời câu hỏi thứ hai. Nay trong bộ này có bốn khác nhau: loại dị, tướng dị, vị dị, đãi dị. Tôn giả Pháp Cưu nói rằng: “do loại khác nhau nên ba đời khác nhau”. Nghĩa là từ vị lai đến hiện tại, bỏ qua vị lai được loại hiện tại. Nếu từ hiện tại trôi về quá khứ thì bỏ loại hiện tại được loại quá khứ. Chỉ có loại khác nhau nên thế khác nhau. Như lúc nấu chảy vàng để làm các vật khác, tuy hình dáng có khác nhau nhưng màu vàng không khác. Tôn giả Diệu Âm nói tướng khác nhau nên ba đời khác nhau. Nghĩa là pháp ở quá khứ chính là hợp với tướng quá khứ mà không gọi là lia tướng hiện tại, vị lai. Vì tướng quá khứ hiển bày chỉ gọi là quá khứ. Hiện tại chính là hợp với tướng hiện tại, không gọi là lia tướng quá khứ, vị lai. Vị lai là hợp với tướng vị lai, không gọi là lia tướng quá khứ, hiện tại. Tùy theo sự hiển bày mà gọi tên, y theo quá khứ mà nói. Tôn giả Thế Hữu nói: “Do giai đoạn khác nhau nên ba đời khác nhau.” Vị chưa tác dụng gọi là vị lai. Vị đang tác dụng gọi là hiện tại. Vị tác dụng rồi gọi là quá khứ. Cho đến trong mỗi vị nói là khác khác. Như đặt một thẻ tre vào một chỗ (vị) gọi là một vị, đặt một trăm chỗ gọi là một trăm vị, đặt một ngàn chỗ gọi là một ngàn vị. Trải qua các vị trí khác nhau nhưng thể của thẻ tre không khác. Tôn giả Giác Thiên nói: “Đãi khác nhau nên ba đời khác nhau”. Đãi: là quán đãi, trước quán về sau gọi là quá khứ, sau quán về trước gọi là vị lai, quán đãi trước sau gọi là hiện tại. Như một người nữ vừa gọi là con gái, gọi là mẹ, đối với mẹ gọi là con gái, đối với con gái gọi là mẹ. Luận chủ bình rằng: Ngài Pháp Cưu chấp pháp có chuyển biến nên xếp vào trong bạn đạo của ngoại đạo Số Luận, vì số luận chấp pháp có chuyển biến. Điều do Ngài Diệu Âm lập nên, tướng thế gian lẫn lộn nhau nên ba đời đều có tướng của ba đời. Điều do ngài Giác Thiên lập nên đời còn lẫn lộn, trong pháp ba đời lẽ ra có ba đời. Nghĩa là đời quá khứ có nhiều sát-na. Sát-na trước sau nên gọi quá khứ, vị lai, Sát-na giữa gọi là hiện tại, vị lai, hiện tại cũng nên như vậy. Cho nên trong bốn thứ này, Ngài Thế Hữu thứ ba lập ba đời là tốt nhất, vì y theo giai đoạn tác dụng mà lập ba đời khác nhau.

#### **4. Kinh bộ rộng phá:**

Từ phần thứ hai này, Kinh bộ bác bỏ rộng. Tụng rằng:

*Ngại gì dụng thế nào  
Không đời khác liền hoại,  
Có ai không sinh diệt*

*Tánh pháp này sâu xa.*

Giải thích: Ba câu trước là Kinh bộ bác bỏ, câu thứ tư là Hữu tông trả lời, đâu ngại dụng thế nào: Chữ Dụng này nói hai lần: 1. Đâu ngăn ngại tác dụng; 2. Tác dụng thế nào. Đâu ngăn ngại tác dụng: Kinh bộ bác bỏ rằng: Ông nói pháp thể của ba đời thường có, nên tất cả thời có công năng khởi tác dụng. Pháp gì ngăn ngại tác dụng lúc có lúc không. Tác dụng thế nào? Ông nói pháp thể do tác dụng, mà ba đời có khác nhau. Lại tác dụng này, đâu được nói là quá khứ, vị lai, hiện tại. Vả lại trong tác dụng lại có lập tác dụng khác. Trên tác dụng có tác dụng, nên dẫn đến vô cùng. Vô dị là Hữu tông, chống chế, dụng không lìa thể, gọi là không khác. Ngay dụng là thể, thể đã không có lỗi vô cùng thì dụng cũng không có lỗi vô cùng. Thế gian liên hoại: là bác bỏ Kinh bộ này lại bác bỏ. Nếu nói không khác thì ba đời liên hoại. Thể đã thường có thì dụng cũng phải như vậy. Vì sao có lúc gọi là quá khứ, vị lai, nên chỗ chấp của họ về nghĩa ba đời bị phá hoại. Có ai không sinh diệt: lại dùng lý để bác bỏ. Nếu nói quá khứ, vị lai, như hiện tại thật có thì phải nói đủ cả là hiện tại. Cái gì chưa sinh gọi là vị lai, cái gì đã diệt gọi là quá khứ, cho nên không chấp nhận pháp xưa không nay có, có rồi lại không. Như thế thì nghĩa của ba đời đều không thành lập. Lại kinh bộ nói: Tát-bà-đa của ông chấp nhân thể thường có, nhưng nói tánh phi thường, nói nghĩa như vậy, là chưa từng có, y theo nghĩa này, nên có bài Tụng chép:

*Nhận pháp thể thường có  
Mà nói tánh phi thường  
Tánh thể không khác nhau  
Đây thật tự tại tác.*

Bài tụng này là kinh bộ giải thích Hữu tông, ý nói như ngoại đạo nói trời Tự Tại tự tạo ra các thế gian, cần làm thì làm.

Pháp này tánh sâu xa: là chống chế của luận Tát-bà-đa. Như điều đã nạn trước, tôi chẳng thể chẳng suốt được. Nghĩa là pháp tánh sâu xa chẳng phải cảnh của tầm, tứ, lễ nào không thể giải thích, liên bác là không. Ý của luận chủ đồng ý với kinh bộ, đưa ra giải thích này.

**5. Y theo dứt bỏ nói về lìa buộc:**

Tứ thứ hai này, y theo đoạn trừ nói lìa buộc. Luận chép: Nay nên nghĩ chọn các việc đã dứt, xem lìa buộc kia ra sao? Lập sự lìa buộc xem đã dứt kia thế nào? (là hỏi) Nếu sự lìa buộc thì kia chắc chắn đã dứt, có sự đã dứt nhưng chẳng phải lìa buộc. (là đáp) Dứt chẳng phải lìa buộc, việc này thế nào? (là nêu).

Tụng rằng:

*Đối thấy khổ đã dứt  
Còn biến hành, tùy miên  
Và phẩm trước đã dứt  
Các duyên này còn buộc.*

Giải thích: Hai câu trên nói về thấy đạo, câu thứ ba nói tu đạo, câu thứ tư có cả hai giai đoạn trên, lẽ ra nói còn biến hành, tùy miên, khác duyên theo đây còn hệ, và phẩm trước đã dứt, các duyên này còn hệ, đối thấy khổ đã dứt dư biến hành tùy miên: Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, khổ trí đã sinh kiến, thấy khổ đã dứt. Tập trí chưa sinh, có tập để biến hành, tùy miên khác. Biến hành, tùy miên trong tập này duyên với khổ để này, còn trôi buộc. Vì thế khổ để tuy dứt nhưng hoặc của tập còn hệ. Đây gọi là dứt chưa lia hệ. Và phẩm trước đã dứt. Đối với tùy miên trong chín phẩm của giai vị tu đạo; đối với tám phẩm trước, dứt bất cứ phẩm nào, gọi là phẩm trước đã dứt. Phẩm trước đã dứt, chưa dứt phẩm sau có thể duyên với phẩm trước này, đối với phẩm trước còn hệ. Cho nên phẩm trước tuy dứt nhưng phẩm sau còn hệ, đó gọi là dứt chưa lia hệ.

Từ thứ bảy của đại văn này nói về hoặc tùy tăng, trong đó chia làm hai:

1. Nói về hoặc tùy Tăng.
2. Nói tâm có tùy miên.

- Nói hoặc tùy Tăng. Luận chép: việc gì có bao nhiêu tùy miên tùy tăng? (là hỏi) Nếu theo sự khác nhau thì trả lời hao tổn nhiều lời. Cho nên phải soạn lược Tỳ-bà-sa. Do đó tuy mệt nhọc một ít công sức nhưng có thể vượt qua những câu hỏi hóc búa. Nghĩa là pháp tuy nhiều những lược có mười sáu thứ, tức năm bộ của ba cõi (3\*5=15 loại) và pháp vô lậu cộng với trước thành mười sáu có công năng duyên với thức kia, danh số cũng vậy (thức cũng có mười sáu). Nên biết pháp gì? Thức cảnh nào? Để suy nghĩ việc gì? Tùy miên tùy tăng nào? Cảnh, thức đã giải thích, cảnh tức là việc, trong việc hoặc tăng, tự sẽ rõ ràng ở đây lại nên biết, pháp gì? Thức cảnh gì? (Như trên là văn luận).

Tụng rằng:

*Thấy khổ tập tu dứt  
Nếu cõi Dục ràng buộc  
Tự cõi ba sắc một  
Vô lậu thức sở hành  
Sắc tự hạ đều ba  
Thượng nhất tịnh thức cảnh*

*Vô Sắc chung ba cõi  
 Đều ba tịnh thức cảnh  
 Thấy diệt đạo đã dứt  
 Đều tăng tự thức hành  
 Trong ba cõi Vô lậu  
 Ba sau tịnh thức cảnh.*

Giải thích: Hai hàng tụng trước nói khổ đế, tập đế tu ba cảnh. Một hàng tụng sau, hai câu trên nói về cảnh diệt đế và đạo đế, hai câu sau nói cảnh vô lậu. Thấy khổ tập tu đoạn: là nêu chung ba cõi, ba bộ. Nếu cõi Dục ràng buộc: Là phân biệt ba bộ trước. Cõi mình ba Sắc một, sở hành thức vô lậu: những trói buộc của cõi Dục trên đây, khổ đế, tập đế tu đoạn mỗi thứ năm thức duyên. Đó là tự giới ba và cõi Sắc một, cùng với thức vô lậu, gọi là năm thức. Cõi mình ba tác: Như trước đã nói sự tu tập của khổ đế và tập đế, và cõi Sắc một. Nghĩa là tu thì dứt. Vì cõi Sắc tu đoạn được duyên với tu tập của khổ đế, tập đế ở cõi Dục. Thức vô lậu: Đó là thức vô lậu cũng duyên với sự tu tập của khổ đế, tập đế ở cõi Dục. Sắc tự hạ đều có ba, thượng nhất tịnh thức cảnh: Đó là những sự trói buộc của cõi Sắc, khổ đế, tập đế tu đoạn, mỗi thứ duyên với tám thức. Đó là cõi mình có ba và cõi dưới có ba. Cõi dưới tức là cõi Dục, ba (thức) đã nói ở trước, khổ đế, tập đế tu đoạn. Đồng thời cõi trên có một: Đó là cõi Vô Sắc, tu thì dứt thức, vì có thể duyên với tu tập khổ đế, tập đế của cõi Sắc. Bao gồm cả vô lậu, tịnh thức cũng duyên với khổ đế, tập đế tu đoạn. Tám thức này mỗi thức đều có thể duyên với khổ đế, tập đế tu đoạn của cõi Sắc. Cõi Vô Sắc chung ba cõi, đều có ba cảnh tịnh thức: Những trói buộc của cõi Vô Sắc, khổ đế, tập đế, tu đoạn, đều duyên với mười thức, gọi là có cả ba cõi. Mỗi giới có ba, nên ba cõi có chín. Ba nghĩa là sự tu tập của khổ đế, tập đế. Chín thức trên cộng với tịnh thức vô lậu là mười thức. Mười thức này, mỗi thức đều có thể duyên với cõi Vô Sắc, khổ đế, tập đế, tu đoạn. Kiến diệt đạo sở đoạn, giai tăng tự thức hành: Nói theo ba cõi thì thấy được những trói buộc của cõi Dục, diệt đế, đạo đế sở đoạn là duyên của sáu thức. Năm thức như trước, lại thêm thức thứ sáu, thức kiến diệt sở đoạn, thấy đạo sở đoạn cũng duyên với sáu thức. Năm thức như trước lại thêm thức thứ sáu, thức thấy đạo sở đoạn, tự đế hạ thức gọi là tự thức. Kiến diệt của cõi Sắc, thấy đạo sở đoạn, đều là duyên của chín thức, tám thức như trước, mỗi thức lại thêm một thức của cõi mình. Kiến diệt của cõi Vô Sắc, thấy đạo, đều có mười một thức duyên với mười việc. Như trước mỗi thứ tăng thêm một thức của cõi mình, theo cõi Dục trước mà nói. Trong ba cõi Vô Lậu

ba tịnh thức sau: Đó là pháp vô lậu duyên chung với mười thức. Nghĩa là trong ba cõi. Ba bộ sau của mỗi thức nghĩa là: Kiến diệt, thấy đạo tu thì dứt thức bao gồm cả thức vô lậu, cho là thứ mười. Mười thức này, mỗi thức đều có thể duyên với vô lậu, đây là kết thúc nghĩa trước, lại nói tụng rằng:

### 6. Nêu bài tụng trong luận:

*Thấy khổ tập tu dứt  
Dục, Sắc, Vô Sắc hệ  
Nên biết như thứ lớp.*

Năm, tám, mười thức duyên. Giải thích: Ba bộ cõi Dục, năm thức duyên, cõi Sắc ba bộ, tám thức duyên, cõi Vô Sắc ba bộ, mười thức duyên, thức như trước nói.

*Kiến diệt đạo sở đoạn  
Điều tăng tự thức duyên (duyên với sáu thức v.v...)  
Pháp Vô lậu nên biết  
Năng làm cảnh mười thức.*

Luận chép: Biết rõ mười sáu pháp như thế là cảnh sở duyên của mười sáu thức, nay nên nói rộng về việc gì? Tùy miên tùy tăng nào? Nếu nói riêng từng điều sợ vẫn rườm rà, nên ở đây, tôi lược trình bày theo góc vuông. Lại có người hỏi, trong sự bị trói buộc, lạc căn có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, nên quán lạc căn, gồm có bảy dứt. Nghĩa là cõi Dục một loại, tức là tu sở đoạn (lạc căn năm thức nên chỉ là tu dứt). Cõi Sắc có năm bộ (loại) cõi Sắc có ý lạc nên thông cả năm bộ. Loại thứ bảy là vô lậu (nghĩa là lạc vô lậu của thiền thứ ba). Lạc căn vô lậu chẳng phải là chỗ các tùy miên tùy tăng, như trước đã nói. Sáu loại trước trong bảy dứt (đó là cõi Dục một loại, cõi Sắc năm thứ) tùy theo chỗ ứng hợp của nó, muốn tu sở đoạn. Và các biến hành cõi Sắc tất cả, tùy miên tùy tăng (cõi Dục tu đoạn, duyên với lạc của bộ mình và khổ đế, tập đế biến hành. Tùy miên có thể duyên với lạc của tu dứt. Lạc căn của cõi Sắc, đã có cả năm bộ nên tất cả thức đều duyên với lạc căn. Nói tất cả là hoặc của năm bộ). Nếu có người hỏi rằng: Thức duyên với lạc căn thì có bao nhiêu thứ tùy miên tùy tăng (trước y theo lạc căn, ở đây theo thức trên của lạc căn). Nên quán thức này gồm có mười hai. Đó là cõi Dục có bốn trừ kiến diệt đoạn (giải thích: kiến khổ, kiến tập biến hành hai tu thì dứt của cõi Dục có thể duyên với lạc căn. Đạo đế của cõi Dục là tà kiến, phi, vô minh có thể duyên với lạc vô lậu. Diệt đế, vì thế chẳng phải lạc căn, nên diệt đế sở đoạn, không duyên với lạc). Cõi Sắc có năm bộ, cõi Vô Sắc có hai, tức là thấy đạo đế và tu sở đoạn (đạo



đế cõi Vô sắc) là tà kiến, phi vô minh duyên với thiền thứ ba cõi dưới. Lạc căn vô lậu, đạo đế của cõi Vô Sắc sở đoạn có duyên với lạc căn diệt. Tu thì dứt của cõi Vô Sắc sinh được gia hạnh thiện, duyên chín địa. Nguyên trí phẩm đạo nên nó tu đoạn, được duyên với thiền thứ ba là thức lạc căn vô lậu). Mười hai vô lậu có thể duyên với lạc căn (trên đây nói duyên lạc thức, tính chung có mười hai, nghĩa là cõi Dục có bốn, cõi Sắc có năm, đủ thành chín thứ trước. Cõi Vô Sắc có hai thành mười một thứ, lại thêm thức vô lậu, vì vậy thành mười hai thứ). Ở đây tùy theo chỗ sự thích ứng, cõi Dục có bốn bộ, cõi Sắc duyên hữu vi, cõi Vô Sắc hai bộ và các biến hành, tùy miên tùy tăng. (Giải thích: Văn này chính là nói về duyên với lạc thức. Tùy miên tùy tăng, cõi Dục có bốn bộ trừ kiến diệt đoạn. Duyên hữu vi của cõi Sắc lấy dưới năm bộ, duyên với hoặc hữu vi trừ diệt đế sau. Tà kiến, nghi, vô minh duyên với vô vi kia. Duyên diệt đế tà kiến v.v... không phải là duyên lạc căn thức, nên cần phải trừ. Cõi Vô Sắc hai bộ. Đó là đạo đế đoạn và tu thì dứt. Nghĩa là sau Đạo đế, tà kiến, nghi, vô minh, đó là duyên lạc thức. Ở đây tham, sân, si v.v... duyên tà kiến v.v... mà khởi, nên tham v.v... sau của Đạo đế gọi là lạc căn thức, tùy miên tùy tăng. Cõi Vô Sắc tu thì dứt thức, vì duyên lạc căn, tu sở đoạn phiền não, nên đối với duyên lạc thức, tùy miên tùy tăng. Cho đến các biến hành tức là khổ đế, tập đế của cõi Vô Sắc. Biến hành tùy miên duyên đạo đế sở đoạn kia và tu sở đoạn, lạc căn thức). Nếu có người hỏi: Thức duyên với lạc căn thì có bao nhiêu loại tùy miên tùy tăng). (Giải thích: Ở đây hỏi duyên trên lạc căn thức, tùy miên tùy tăng) nên quán thức này, gồm có mười bốn thứ. Đối với mười hai thứ thức trước lại thêm hai thứ, tức thấy đế, tập đế đoạn của cõi Vô Sắc (chấp biết hành). Mười bốn thức như thế năng duyên duyên với lạc căn. Ở đây tùy theo sự thích ứng với, cõi Dục, cõi Sắc như trên. Cõi Vô Sắc có bốn bộ trừ kiến diệt đoạn, tùy miên tùy tăng.

### 7. Nói về có tâm tùy miên:

Từ thứ hai này nói về có tâm tùy miên. Luận chép: Nếu tâm do kia gọi là có tùy miên thì kia đối với tâm này chắc chắn tùy tăng, (là hỏi) ở đây không quyết định hoặc có tùy tăng, nghĩa là tương ứng với tâm và duyên tâm chưa dứt. Tương lẽ ra dứt rồi thì không tùy tăng. Theo nghĩa môn này nên nói như vậy.

Tụng rằng:

*Tâm có tùy miên hai  
Là có nhiễm, vô nhiễm  
Tâm có nhiễm chung hai,*

*Vô nhiễm cực tùy tăng.*

Giải thích: tâm có tùy miên hai: là nêu. Đó là có nhiễm, không nhiễm, là nêu số. Tâm có tùy miên có hai thứ, tâm có nhiễm và tâm vô nhiễm khác nhau. Tương ứng với hoặc gọi là có nhiễm. Ở trong tâm thiện hữu lậu, tâm vô ký gọi là vô nhiễm. Tâm có nhiễm có cả hai: Tâm có nhiễm ô gọi là có tùy miên. Có tùy miên này gồm có tùy tăng hoặc không tùy tăng, nên nói có cả hai. Có tùy tăng: 1. Đó là tâm nhiễm, tương ứng với hoặc nên tùy miên chưa dứt. 2. Là duyên với tâm nhiễm ô này, tùy miên chưa dứt nên gọi là có tùy tăng. Không tùy tăng: nghĩa là tâm nhiễm ô tương ứng đã dứt thì không còn tùy tăng. Nhưng nói có tùy miên vì thường tương ứng. Đã dứt tánh trói buộc nên không tùy tăng, không dứt được tánh cùng đi với nhau (bản tánh) nên luôn tương ứng. Tương bản tánh chắc chắn không thể dứt vì có bản tánh nên gọi là có tùy miên. Vô nhiễm cực tùy tăng: Giới hạn không tùy tăng nên gọi là thuộc (giới hạn). Vì tâm vô nhiễm không tương ứng với hoặc không do bản tánh, gọi là hữu tùy miên chỉ hạn cuộc ở tùy miên. Gọi là có tùy miên: Nghĩa là do tùy miên duyên với tâm vô nhiễm, tùy miên chưa dứt nên gọi là có tùy miên. Nó chưa dứt: Vì nghĩa tùy tăng nên chỉ giới hạn về tùy tăng gọi là có tùy miên.

**8. Nói về thứ lớp sinh khởi:**

Từ thứ tám này nói về thứ lớp sinh ra, trong đó có hai: 1. Nói về thứ lớp; 2. Nói về nhân khởi hoặc. Nói về thứ lớp: Luận chép: Như trên đã nói mười thứ tùy miên, vậy thứ lớp lúc sinh ra, thứ nào trước thứ nào sau?

Tụng rằng:

*Vô minh, nghi, tà, thân  
Biên kiến, giới, kiến thủ,  
Tham, mạn, sân như thế  
Do trước dẫu sau sinh.*

Giải thích: 1. Vô minh; 2. Nghi; 3. Tà kiến; 4. Thân kiến; 5. Biên kiến; 6. Giới cấm thủ; 7. Kiến thủ; 8. Tham; 9. Mạn; 10. Sân. Lúc phiền não sinh, trước do vô minh, đối với đế lý không hiểu. Do không hiểu, nên kế là dẫn đến sinh nghi; đối với bốn Thánh đế sinh ra do dự, từ tâm nghi này dẫn đến sinh tà kiến, Nghĩa là chắc chắn bác bỏ không có khổ - tập - diệt - đạo. Do bác bỏ không có sự chân thật dẫn đến thân kiến, cho là trong khổ uẩn, bác bỏ không có lý khổ. Liên chấp khăng khăng đây là ngã. Từ thân kiến này sinh ra biên kiến, Nghĩa là nương vào ngã chấp đoạn, chấp thường. Từ biên kiến sinh ra giới cấm thủ, liên chấp ở

trước có thể tịnh. Từ giới cấm thủ dẫn đến kiến thủ sanh. Nghĩa là chấp năng tịnh rồi hoặc nhất định chấp là năng thắng. Từ kiến thủ này sinh ra tham. Nghĩa là từ trong cái thấy của mình có tình thâm ái. Từ sau tham này, kế sinh ra mạn cậy vào kiến giải của mình sinh ra cao ngạo. Từ sau mạn sinh ra sân, trái với chỗ thấy của mình chắc chắn sinh oán ghét. Như thế là y theo thứ lớp sinh ra, còn vượt qua thứ lớp đó thì trước sau không y theo.

### 9. Nói về nhân khởi hoặc:

Từ thứ hai này nói nhân khởi hoặc. Luận chép: Các phiền não khởi lên vì nhân duyên nào?

Tụng rằng:

*Do chưa dứt tùy miên  
Và ứng theo cảnh hiện  
Khởi phi lý tác ý  
Nói hoặc đủ nhân duyên.*

Giải thích: Do ba nhân duyên nên phiền não hiện khởi: 1. Chưa dứt tùy miên tức là nhân hoặc. 2. Tùy theo cảnh ứng hợp mà hiện khởi. Nói tùy theo sự thích ứng là tùy theo sự ứng hợp của nó. Như cảnh thuận sinh tham, cảnh trái sinh tức giận v.v... Đây là cảnh giới của hoặc. Ba là do phi lý tác ý, liền khởi hoặc gia hạnh. Do ba nhân trên mà phiền não hiện khởi. Nói hoặc đầy đủ nhân duyên: ba nhân trên đây, nghĩa là ở đây y theo đầy đủ nhân duyên mà nói hoặc có hiện khởi nhờ sức mạnh của cảnh giới phát sinh như pháp bị lui sụt của A-la-hán v.v...

### 10. Nói về các phiền não sinh khởi:

Từ thứ ba của đại văn này, nói về các phiền não sinh ra, chia làm ba phần. 1. Nói về bốn môn như hữu lậu v.v... 2. Nói về sáu môn như kiết v.v... 3. Nói về năm cái khác nhau.

Nói bốn môn như hữu lậu v.v... chia làm hai: 1. Nêu ra thể. 2. Giải thích tên gọi. Về nêu ra thể: Luận chép: Ở trên đã nói tùy miên và trói buộc, kinh nói là lậu bậc lưu (chảy mạnh) ách, thủ.

Lậu gồm ba: 1. Dục lậu. 2. Hữu lậu. 3. Vô minh lậu. Nói bậc lưu: có bốn bậc lưu: Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu. Ách là bốn ách, nói như ở phần bậc lưu. Thủ: là bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã ngữ thủ. Như vậy thể của các lậu thế nào?

Tụng rằng:

*Phiền não, triền cõi Dục  
Trừ si gọi dục lậu  
Hữu lậu hai cõi trên*

*Chỉ phiến não dứt si  
 Đồng vô ký nội môn  
 Định địa nên hợp một  
 Vô minh gốc các cõi  
 Nên thành một lậu riêng  
 Bộc lưu, ách cũng vậy  
 Lập riêng kiến lanh lợi  
 Vì kiến không thuận trụ  
 Chẳng độc lập với lậu  
 Cõi Dục có ách, si,  
 Kiên chia hai, gọi thủ,  
 Vô minh không lập riêng  
 Vì chẳng phải năng thủ.*

Giải thích: hai bài đầu nói về ba lậu, một bài tiếp theo nói bộc lưu và ách, một bài sau nói bốn thủ. Phiến não cõi Dục và trói buộc trừ si gọi là Dục lậu: Bốn mươi một vật này, gọi là thể của dục lậu, đó là trói buộc của phiến não căn bản cõi Dục có ba mươi một và mười triệu cộng chung thành bốn mươi một. Hữu lậu của hai cõi trên (cõi Sắc, cõi Vô Sắc) chỉ có phiến não trừ si: Ở đây có năm mươi hai vật là thể của hữu lậu. Nghĩa là hai cõi trên, phiến não căn bản đều có hai mươi sáu, trong hoặc của năm bộ, mỗi bộ đều trừ sân, si. Nói chung về hai cõi, nên thành năm mươi hai, hai cõi trên tuy có hai sự trói buộc hôn trầm và trạo cử không lập làm thể của lậu, vì trói buộc ít. Lại hai trói buộc này tùy theo cái khác mà khởi, không tự tại. Cùng nhập môn vô ký, định địa hợp nhất: là nói hai cõi trên, hợp thành hữu lậu. 1. Đồng tánh vô ký; 2. Đồng nội môn chuyển (duyên định và thân gọi là nhập môn chuyển); 3. Đồng là định địa. Do ba nghĩa này, tùy miên của hai cõi hợp thành một lậu. Vô minh là căn bản của các hữu nên thành một lậu riêng. Vô minh của cõi, mỗi cõi đều có năm thứ. Mười lăm vật trong đây là vô minh lậu. Nghĩa là do vô minh là căn bản của của ba cõi nên thành một lậu riêng. Bộc lưu, ách cũng vậy: Vì Bộc lưu và ách, thể và lậu giống nhau, nên nói cũng vậy. Nghĩa là Dục lậu ở trước, phân tích ra các kiến, gọi là Dục bộc lưu, và gọi là hữu ách, tạo ra các kiến gọi là kiến bộc lưu và gọi là kiến ách. Như thế đã nói về hai mươi chín vật, gọi là Dục bộc lưu, đó là Tham, Sân, Mạn, mỗi thứ có năm ( $3 \times 5 = 15$ ). Nghi có bốn (nghi trong bốn đế với mười lăm thứ trước thành mười chín). Triền có mười (cộng với trước thành hai mươi chín). Hai mươi tám vật gọi là hữu bộc lưu. Nghĩa là tham và mạn mỗi thứ có mười, Hai cõi trên đều có

năm, cộng chung thành hai mươi. Nghi có tám, hai cõi trên mỗi cõi đều có bốn, nghi thành tám, cộng với trước thành hai mươi tám. Ba mươi sáu vật là kiến bộc lưu nghĩa là trong ba cõi, mỗi cõi có mười hai kiến (trong khổ đế có năm kiến, tập đế, diệt đế có hai, kiến là bốn cộng với trước thành chín, trong đạo đế có ba kiến nên thành mười hai). Mười lăm vật là vô minh bộc lưu, đó là vô minh của ba cõi, mỗi cõi có năm. Nên biết bốn ách, như nói ở bộc lưu. Lập riêng kiến lạnh lợi: Tạo ra các kiến, gọi riêng là kiến bộc lưu và kiến ách. Vì kiến suy cầu tánh lạnh lợi. Kiến không thuận trụ nên chẳng phải đối với lậu độc lập. Khiến cho chúng sinh trụ trong sinh tử, gọi là nghĩa của lậu. Thấy tánh lạnh lợi không thuận với nghĩa trụ. Do đây đối với lậu không gọi độc lập, chỉ có thể cùng cái khác gọi chung là lậu. cõi Dục có ách và si. Kiến chia ra làm hai gọi là Thủ: Ở đây, nói thể của bốn thủ, giống như bốn ách. Ách và si của cõi Dục gọi là dục thủ. Có ách và si gọi là ngã ngữ thủ. Kiến ách chia làm hai: giới cấm thủ và kiến thủ. Nên biết ba mươi bốn vật là thể của dục thủ. Nghĩa là tham, sân, mạn, vô minh, mỗi thứ có năm, (bốn lần năm là hai mươi). Nghi có bốn, (cộng với trước thành hai mươi bốn), đồng thời mười triền, cộng với trước thành ba mươi bốn. Ba mươi tám vật là thể của ngã ngữ thủ, nghĩa là tham, mạn, vô minh đều có mười, nghi có tám, (hợp chung với cõi trên). Sáu vật là thể của giới cấm thủ. Ba cõi mỗi cõi có hai giới cấm thủ, cho nên thành sáu, nếu ở dưới một thì dưới đạo một. Ba mươi vật là thể của kiến thủ. Ba cõi có mười thứ kiến (trong mười hai kiến trừ hai giới cấm thủ) phiền não cõi trên gọi là ngã ngữ thủ. Ngã ngữ: Nghĩa là nội thân, y vào đó nói là ngã. Nên phiền não cõi trên, phần nhiều duyên với nội thân gọi là ngã ngữ thủ, thuộc về y chủ thích. Đối với các lập ra riêng giới cấm thủ, do đây chỉ là oán Thánh đạo, lừa dối chúng tại gia, xuất gia. Nghĩa là chúng tại gia chấp từ ngã quý v.v... là thiên đạo. Chúng xuất gia chấp xả bỏ cảnh ưa thích là thanh tịnh đạo: Vô minh không lập riêng vì chẳng phải năng thủ: không lập vô minh; riêng là thủ; năng thủ các hữu, nên gọi là thủ. Nghĩa là không hiểu rõ tướng gọi là vô minh. Vì không năng thủ nên không xếp vào Thủ, chỉ có thể cùng cái khác hợp lại nói là Thủ. Bốn thủ trên đây y vào tông Tát-bà-đa. Nếu theo kinh bộ, thì bốn thủ lấy tham làm thể tánh. Tham duyên với năm cảnh dục mà hiện khởi, gọi là Dục thủ. Tham duyên với sáu mươi hai kiến mà hiện khởi gọi là kiến thủ. Tham duyên với giới cấm thủ mà hiện khởi, gọi là giới cấm thủ. Tham duyên với ngã ngữ trong ba cõi mà hiện khởi, gọi là ngã ngữ thủ. Cho nên bốn thủ kia thì tham là thể.

11. Giải thích tên gọi:  
Từ phần hai này, là giải thích tên, luận chép: Ở đây tùy miên v.v... tên nó có nghĩa gì?

Tụng rằng:

*Vi tế hai tùy tăng  
Tùy trực và tùy phược Trụ, lưu, phiêu, hợp,  
chấp Là các nghĩa tùy miên.*

Giải thích: Vi tế là giải thích nghĩa tùy miên. Hành tướng của phiền não căn bản khó biết được nên gọi là nhỏ nhiệm giống như ngủ. Hai tùy tăng về sau, ba nghĩa giải thích tùy, một, hai tùy tăng: sở duyên tùy tăng và tương ứng tùy tăng. Năng tùy phiền não đối với cảnh sở duyên và những điều tương ứng, thêm lớn mờ tối. Tùy trực: Thứ hai là giải thích nghĩa tùy. Phiền não khởi được, phiền não này, được tùy theo hữu tình thường là lỗi lầm. Tùy phược: giải thích thứ ba là nghĩa Tùy. Phiền não hiện hành, theo trói buộc hữu tình. Trụ, lưu, phiêu hợp, chấp: giải thích tên lậu v.v... ở trên. Trụ: khiến cho chúng sinh trụ mãi trong sinh tử. Lưu: Làm cho hữu tình trôi lăn trong ba cõi. Đối với sáu căn môn phát ra vô cùng gọi là lậu. Phiêu: Trôi thẳng đến phẩm thiện, nên gọi là bực lưu (chảy mạnh). Hợp: Hòa hợp với hữu tình, chịu nhiều khổ đau nên gọi là ách. Chấp: là chỗ dựa của hữu lậu. Chấp lấy sinh tử nên gọi là thủ, đó là các nghĩa của tùy miên được kết luận như trên.

